

Số: 2499 /CHHVN-TTHH
V/v thực hiện chế độ báo cáo
TTCN, GQKNTC và PCTN theo
Thông tư số 03/2013/TT-TTCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2013

Kính gửi: Các Đơn vị trực thuộc Cục HHVN

Triển khai thực hiện Thông tư số 03/2013/TT-TTCT ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, Cục Hàng hải Việt Nam yêu cầu các đơn vị thực hiện nội dung báo cáo theo Đề cương như sau:

PHẦN A: CÔNG TÁC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH (áp dụng đối với các Cảng vụ Hàng hải)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA

1. Thanh tra chuyên ngành

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra

- Tổng số cuộc đang thực hiện (số cuộc có thành lập đoàn, số cuộc thanh tra độc lập);

- Số đối tượng được thanh tra (cá nhân, tổ chức);

- Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu.

b) Kết quả thanh tra

- Số cá nhân, tổ chức vi phạm;

- Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra;

- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; số tiền xử lý tài sản vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi; số tiền xử phạt vi phạm; số giấy phép thu hồi, bãi bỏ...

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

(Gửi kèm theo phụ lục 01: bảng tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành)

2. Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác thanh tra sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về công tác thanh tra (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);
- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra (nếu có vướng mắc);
- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác thanh tra;
- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

PHẦN B: CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (áp dụng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc Cục HHVN)

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

- Kết quả tiếp công dân: Tình hình tiếp công dân của trụ sở tiếp dân, của Giám đốc Cảnh vụ hàng hải; số đoàn đông người (báo cáo cụ thể các đoàn đông người có tính chất phức tạp): số lượt, người
- Nội dung tiếp công dân: số vụ việc khiếu nại, tố cáo và nội dung khiếu nại, tố cáo
- Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân (số vụ việc chưa được giải quyết, đã được giải quyết)

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Tiếp nhận (số đơn tiếp nhận trong kỳ, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang);
- Phân loại đơn (Theo loại đơn: khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Theo nội dung; Theo thẩm quyền: đơn thuộc thẩm quyền, đơn không thuộc thẩm quyền; Theo trình tự giải quyết: chưa được giải quyết, đã được giải quyết lần đầu, đã được giải quyết nhiều lần).
- Kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo nhận được: (số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền; số đơn trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền; số đơn thuộc thẩm quyền; số đơn lưu do đơn trùng lặp; đơn không rõ địa chỉ, không ký tên, đơn mạo danh, nặc danh....).

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

- a) Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn khiếu nại; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết; số vụ việc giải quyết lần 1, lần 2 và trên 2 lần.

- Kết quả giải quyết: số vụ việc khiếu nại đúng, số vụ việc khiếu nại sai, số vụ việc khiếu nại đúng một phần; tổng số tiền, đất (tài sản) kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết khiếu nại (kiến nghị xử lý hành chính, kiến nghị chuyên cơ quan điều tra xử lý); chấp hành thời hạn giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong).

- Kết quả thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (về kinh tế, hành chính và chuyên cơ quan điều tra xử lý).

b) Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn tố cáo; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết;

- Kết quả giải quyết: số vụ việc tố cáo đúng, số vụ việc tố cáo sai, số vụ việc tố cáo đúng một phần; tổng số tiền, đất, tài sản kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết tố cáo (hành chính, chuyên cơ quan điều tra xử lý); việc chấp hành thời gian giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo (tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong);

- Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo (về kinh tế, hành chính và chuyên cơ quan điều tra xử lý).

4. Công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo

Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo được tổ chức; tổng số người tham gia.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI

a) Nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo.

b) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

d) Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo;

đ) Nguyên nhân những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

PHẦN C: CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (áp dụng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc Cục HHVN)

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

- Các hình thức cụ thể đã được thực hiện đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về PCTN.

- Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các VBQPPL, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN.

- Tình hình tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

- Việc thực hiện các quy định công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Việc cán bộ, công chức nộp lại quà.
- Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
- Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng.
- Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch tài sản và thu nhập.
- Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.
- Việc thực hiện cải cách hành chính.
- Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo về công tác PCTN.

3. Kết quả thực hiện, xử lý tham nhũng

Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;

Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương;

Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về PCTN

- Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hóa, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện;

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà Cục đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

5. Phát huy vai trò của xã hội, đoàn thể, báo chí và hợp tác quốc tế về PCTN

Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, đoàn thể trong PCTN.

(Gửi kèm theo Phụ lục 02: thông kê số liệu chủ yếu về công tác PCTN)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PCTN VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

- Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của đơn vị mình và nguyên nhân;
- So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước (dành cho báo cáo năm).

2. Đánh giá công tác PCTN

- Đánh giá chung về hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị;
- Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN;
- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại đơn vị mình trong công tác PCTN.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác PCTN sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác PCTN đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về PCTN (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);
- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN (nếu có vướng mắc);
- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;
- Các nội dung cụ thể cần kiến nghị, đề xuất.

THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC BÁO CÁO

1. Thời gian báo cáo:

- Báo cáo quý I trong thời kỳ từ ngày 16 của tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 3 của năm báo cáo; gửi báo cáo về Cục HHVN trước ngày 17 tháng 3 của năm báo cáo (để Cục tổng hợp báo cáo Bộ trước ngày 20/3);
- Báo cáo 6 tháng trong thời kỳ từ ngày 16 của tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 6 của năm báo cáo; gửi báo cáo về Cục HHVN trước ngày 17 tháng 6 của năm báo cáo (để Cục tổng hợp báo cáo Bộ trước ngày 20/6);

- Báo cáo 9 tháng trong thời kỳ từ ngày 16 của tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 9 của năm báo cáo; gửi báo cáo về Cục HHVN trước ngày 17 tháng 9 của năm báo cáo (để Cục tổng hợp báo cáo Bộ trước ngày 20/9);

- Báo cáo năm trong thời kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo; gửi báo cáo về Cục HHVN trước ngày 17 tháng 12 của năm báo cáo (để Cục tổng hợp báo cáo Bộ trước ngày 20/12).

2. Hình thức báo cáo

Báo cáo được gửi về Cục HHVN (Thanh tra hàng hải) bằng văn bản và đồng thời gửi file điện tử gửi theo địa chỉ: thanhtrahh@vinamarine.gov.vn

(chi tiết cụ thể đề nghị các đơn vị tham khảo tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCTP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ)

Trên đây là nội dung của Đề cương về công tác báo cáo thanh tra chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng, chống tham nhũng được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCTP ngày 10/6/2013 có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2013, Cục HHVN đề nghị các đơn vị thực hiện công tác báo cáo theo quy định của Thông tư và gửi về Cục để tổng hợp báo cáo Bộ GTVT.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Website cục HHVN; ✓
- Lưu: VT, TTHH (2 bản). ✓

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đỗ Đức Tiến

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày...../...../..... đến..... ngày...../...../.....)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
1	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
2	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
3	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
6	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
7	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
8	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
9	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
10	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
11	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
12	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
13	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
14	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
15	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
16	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
18	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức	Người	

	ngành nghiệp đã bị xử lý		
19	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
20	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
21	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
22	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
23	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
24	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
25	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
26	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
27	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
28	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
29	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
31	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
32	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
33	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
34	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
35	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
36	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
37	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
38	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
39	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền	Triệu đồng	

	<i>Việt Nam)</i>		
40	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
41	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
42	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
43	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
44	+ Đất đai	m ²	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
45	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
46	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

(chi tiết cụ thể đề nghị các đơn vị tham khảo tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ tại Biểu mẫu số 3a)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả																		Ghi chú					
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập	Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm		Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu								
								Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức		Tổng số	Tích thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân		Tổ chức				
	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25		26	27			
MS																															
Tổng																															